

PHIẾU PHÂN BỐ DỰ TOÁN

Nội dung phân bổ: Phân bổ kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 so với học phí năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ
Nguồn Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định/ Thông báo giao dự toán		Mã loại dự toán	TKKT	Mã cấp NS	Mã BVQHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền		Số bút toán, số ID, Số giao dịch Dossier
			Số	Ngày										Nợ	Có	
I	Chi đầu tư phát triển	Cấp 0														
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán)														
		Cấp 4 (Lệnh chi tiền)														
		Cấp 0	2866/QĐ-UBND	24/5/2024	02	9213	3	2999206	999	070	99999	2817	29		582.400.000	
II	Chi thường xuyên	Cấp 1	2866/QĐ-UBND	24/5/2024	02	9253	3	1059995	622	070	99999	2817	29		582.400.000	
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)														
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)	308/QĐ-PGDDT	14/6/2024	02	9527	3	1105745	622	071	00000	2817	12		582.400.000	
		Cấp 4 (LCT tự chủ)														
		Cấp 4 (LCT không tự chủ)														

Quảng Yên, ngày 25 tháng 06 năm 2024

Quảng Yên, ngày 26 tháng 6 năm 2024

CQ tài chính ghi sổ ngày 26 tháng 6 năm 2024

TRƯỜNG MÀM NON PHONG CỐC

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ QUẢNG YÊN

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

Người nhập

Kiểm soát

Phó Thủ trưởng đơn vị

Trần Thị Hải

Trần Thị Hải

Nguyễn Thị Tươi

Trần Thị Truân

Nguyễn Thị Thủy

Vũ Mạnh Cường

Vũ Thị Hà

Nguyễn Thị Diệu Thủy



Số: 308/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 14 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024; Quyết định số 2756/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 so với học phí năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã; Quyết định số 2866/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc phê duyệt dự toán và cấp kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã, số tiền: 23.072.655.000 đồng (Hai mươi ba tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu.

Điều 2. Giao các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã chịu trách nhiệm về đề xuất hỗ trợ kinh phí, thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ và quyết toán kinh phí đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)./.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thúy

Phụ lục

PHÂN BỐ KINH PHÍ

Hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã

(Kèm theo Quyết định số 308/QĐ-PGDĐT ngày 14/6/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

(Đơn vị tính: đồng)

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG					23.072.655.000
I	Khối mầm non					7.884.525.000
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	1105749	622	071	12	641.725.000
2	Trường Mầm non Hà An	1105742	622	071	12	775.075.000
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	12	120.750.000
4	Trường Mầm non Minh Thành	1105730	622	071	12	742.525.000
5	Trường Mầm non Liên Vị	1105736	622	071	12	168.150.000
6	Trường Mầm non Phong Cốc	1105745	622	071	12	582.400.000
7	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	12	533.925.000
8	Trường Mầm non Tiên An	1105738	622	071	12	152.300.000
9	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	12	352.450.000
10	Trường Mầm non Đông Mai	1105740	622	071	12	714.962.500
11	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	12	131.050.000
12	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	12	273.550.000
13	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	12	194.000.000
14	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	12	367.500.000
15	Trường Mầm non Sông Khoai	1105731	622	071	12	303.825.000
16	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	12	464.975.000
17	Trường Mầm non Tiên Phong	1105748	622	071	12	53.650.000
18	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	12	538.737.500
19	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	12	772.975.000
II	Khối Trung học cơ sở					14.623.090.000
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	12	1.204.080.000
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	12	1.236.840.000
3	Trường THCS Phong Cốc	1027585	622	073	12	995.040.000
4	Trường THCS Tiên An	1025843	622	073	12	266.455.000

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
5	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	12	1.437.600.000
6	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	073	12	931.680.000
7	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	12	1.200.960.000
8	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	073	12	821.760.000
9	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	073	12	1.560.120.000
10	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	12	475.965.000
11	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	073	12	291.165.000
12	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	12	1.923.600.000
13	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	12	313.810.000
14	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	12	407.015.000
15	Trường THCS Tân An	1027591	622	073	12	722.640.000
16	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	12	834.360.000
III	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					565.040.000
1	Trường TH&THCS Tiền Phong	1027578	622	073	12	92.680.000
2	Trường TH&THCS Cẩm La	1130336	622	073	12	187.740.000
3	Trường TH&THCS Sông Khoai	1130337	622	073	12	137.060.000
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân	1131212	622	073	12	147.560.000

Số: 179/QĐ-MNPC

Quảng Yên, ngày 25 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công bố công khai phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-Cp ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON PHONG CỐC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 308/QĐ-PGD&ĐT, ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quảng Yên V/v phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-Cp ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-Cp ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã của trường mầm non Phong Cốc (Theo biểu mẫu số 02- Ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận của trường Mầm non Phong Cốc và các Phòng, Ban liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- Phòng GD & ĐT, KBNN;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Tươi

Đơn vị: Trường Mầm non Phong Cốc

Chương: 622/071

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 179/QĐ-MNPC ngày 25/06/2024 của Trường mầm non Phong Cốc)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, học phí	0
I	Số thu học phí	0
II	Chi từ nguồn thu học phí được để lại	0
1	Chi hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo (60%)	
2	Dự nguồn tăng lương (40%)	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	582,4
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	582,4
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	582,4